

SỰ TRI NHẬN VÀ BIỂU ĐẠT KHÔNG GIAN, THỜI GIAN TRONG TIẾNG VIỆT: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TỪ *QUA*

LÊ THI CẨM VÂN¹

Abstract: This article analyzes the semantic and grammatical characteristics as well as the spatial reference and perspective of the word “qua” in Vietnamese; on that basis, examining its extension to temporal meaning. The analysis results show a frame shift from space to time with “qua,” including the mapping of argument structure and perspective of movement. The frame shift also results in differences in qua’s semantic expression and the perception of time compared to those of space.

Keywords: “qua”, space, time, frame, perspective, reference.

1. Dẫn nhập

Không gian, thời gian là hai phạm trù quan trọng trong tư duy và ngôn ngữ của các tộc người. Hầu như mọi ngôn ngữ đều có lớp từ ngữ phong phú để biểu đạt nhận thức của người bản ngữ về hai phạm trù này. Trong tương quan với không gian, thời gian là phạm trù mang tính trừu tượng. Con người thuộc nhiều cộng đồng ngôn ngữ khác nhau thường nhận thức thời gian qua không gian [11], [12], [13], [15], [16], [17], [19], [20]. Với người nói tiếng Việt cũng vậy, tiếng Việt có một lớp từ ngữ phong phú vừa biểu đạt không gian vừa biểu đạt thời gian.

Nghiên cứu sự tri nhận và biểu đạt thời gian qua không gian trong tiếng Việt cho đến nay chủ yếu được các nhà Việt ngữ học xem xét ở bình diện ý niệm thông qua ẩn dụ THỜI GIAN LÀ KHÔNG GIAN (TIME AS SPACE), trong đó các tác giả xác lập sự đồ chiếu² giữa miền nguồn KHÔNG GIAN và miền đích THỜI GIAN về chiều, hướng, hình dạng, mô hình vận động, kiểu quan hệ [6], [7], [9]. Sự đồ chiếu cấu trúc nghĩa biểu hiện và phối cảnh chuyển động giữa hai phạm trù xét trên từng trường hợp cụ thể là vấn đề chưa được quan tâm nhiều trong Việt ngữ học. Vì lẽ đó, trong bài báo này, chúng tôi hướng đến phân tích từ *qua* ở khả năng biểu đạt và chuyển tải tri nhận không gian, thời gian của nó, hướng trọng tâm vào phân tích sự đồ chiếu cấu trúc nghĩa biểu hiện và phối cảnh chuyển động từ không gian sang thời gian, từ đó làm rõ sự chuyển khung của từ này cũng như những bảo lưu và biến đổi của nó trong quá trình toả tia ngữ nghĩa.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái niệm khung

Là một khái niệm quan trọng của ngôn ngữ học tri nhận, khung được hiểu là tri thức nền cần thiết để hiểu nghĩa của từ [3, tr. 24]. Chẳng hạn, để hiểu từ *mẹ*, chúng ta phải đặt nó trong khung quan hệ thân tộc. Như vậy sẽ có những từ khác nghĩa nhau cùng chia sẻ một khung chung (chẳng hạn *mẹ*, *cô*, *dì*, *chú*, *bác*, v.v. cùng khung quan hệ thân tộc) và trường hợp một từ có thể đi vào các khung khác nhau (ví dụ *mẹ* trong “Cô ấy là mẹ Nam” thuộc khung huyết thống nhưng *mẹ* trong “Cô ấy chưa sẵn sàng để làm mẹ” lại thuộc khung xã hội) [3, tr.27]. Khung là một khái niệm đa chiều kích, vừa mang chiều kích ý niệm vừa mang chiều kích văn hoá. Phương diện ý niệm giúp xác định nghĩa của từ trong sự đối lập với các từ khác trong cùng một khung. Phương diện văn hoá của khung gắn với các ý nghĩa liên hội phức tạp làm nền cho việc hiểu nghĩa của từ.

¹ Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

² Thuật ngữ “đồ chiếu” (mapping) được sử dụng trong bài báo này tương đương với thuật ngữ “ánh xạ”.

Khái niệm khung đi liền với hiện tượng biến đổi ngôn ngữ. Khi một từ có sự thay đổi về khung nghĩa là đã có sự thay đổi trong ngữ nghĩa của nó. Nghĩa do vậy là một hiện tượng tác hợp: cách hiểu một từ không chỉ dựa vào bản thân từ đó mà chủ yếu dựa vào khung của các từ kết hợp cùng với nó. Đây chính là cơ sở để bài báo xem xét sự phát triển nghĩa của từ *qua* vốn thuộc khung không gian được chuyển di để chỉ thời gian trong tiếng Việt. Bài báo do vậy chủ yếu vận dụng khái niệm khung ở bình diện ý niệm trên cơ sở lí giải sự thay đổi bề mặt cấu trúc nghĩa biểu hiện của *qua*.

2.2. Phạm trù toả tia

Toả tia được xem là loại cấu trúc phạm trù phổ biến nhất. Hiện tượng toả tia gắn liền với hiện tượng biến đổi mạng lưới ngữ nghĩa, chuyển đổi khung. Các mạng lưới toả tia được cấu thành xung quanh nghĩa trung tâm hay nghĩa cốt lõi, thường được coi là điển mẫu; nghĩa cốt lõi được đặt trong miền không gian vật lí [3, tr.83].

Từ các quá trình toả tia, chúng ta có thể nhận diện được mối tương quan giữa các ý niệm cụ thể cũng như các vùng ý niệm trong tư duy một cộng đồng ngôn ngữ. Trong tương quan giữa hai miền ý niệm không gian và thời gian, xu hướng toả tia được xác lập trong các ngôn ngữ tự nhiên là đi từ không gian sang thời gian. Thực tế này cũng đúng với tiếng Việt. Quan sát sự hành chức của từ *qua* biểu nghĩa thời gian chúng tôi nhận thấy quá trình toả tia đã đưa đến kết quả điển mẫu QUA ở khung không gian chuyển di sang khung thời gian. Đây là sự phát triển nghĩa mạnh mẽ và là xu hướng toả tia quan trọng của *qua* không gian.

2.3. Quy chiếu và phối cảnh thời gian

Talmy [18] khi xác lập khái niệm khung quy chiếu đã cho rằng khung quy chiếu là hệ toạ độ được dùng để thiết lập sự định vị của một Hình trên một Nền từ một phối cảnh nhất định, trong đó Hình F (Figure) là đối tượng được định vị, Nền³ G (Ground) là yếu tố nhờ nó mà F được định vị. Xác lập của Talmy [18] được nhiều nhà nghiên cứu ứng dụng vào phân tích quy chiếu không gian lẫn thời gian [10], [11].

Hai cách phối cảnh thời gian được các nhà Ngôn ngữ học tri nhận xác lập là Ego⁴ chuyển động và Thời gian chuyển động [10], [12], [14], [18]. Đây là hai cách phối cảnh khác biệt nhưng bổ sung cho nhau của cùng một kịch cảnh. Với Ego chuyển động, người quan sát di chuyển tiến tới các sự tình trong tương lai rồi bỏ chúng lại phía sau, thời gian tĩnh trạng, ví dụ:

a. *Sắp đến ngày về nước, tôi mới đến Bến Tre.*

Trong ví dụ trên, Ego chuyển động đến sự tình thời gian trong tương lai “ngày về nước”. Trong tương quan với Ego, sự tình này đứng yên.

Ngược lại, với phối cảnh Thời gian chuyển động, Ego đứng yên còn thời gian chuyển động về phía Ego, các sự tình thuộc tương lai tiến đến Ego và đi vào quá khứ, ví dụ:

b. *Mùa thu đến, Hà Nội còn vương lại chút nắng cuối hè và bắt đầu đón gió heo may.*

Phối cảnh thời gian trong ví dụ này ngược lại với ví dụ (a): sự tình thời gian “mùa thu” tiến về phía Ego, Ego đứng yên.

Trên cơ sở lí thuyết này, bài viết đi vào phân tích phối cảnh của ý niệm QUA trong tiếng Việt, chú trọng vào những bảo lưu và thay đổi khi đồ chiếu kịch cảnh từ không gian sang thời gian.

³ Hình còn được gọi là vật được quy chiếu (R - referent), Nền còn được gọi là điểm/mốc quy chiếu (RF - reference point). Thuật ngữ tương ứng với Figure và Ground trong lí thuyết của Langacker (1987) là Trajectory và Landmark.

⁴ Ego vốn nghĩa là Cái tôi. Trong quy chiếu, với cả không gian và thời gian, dù là sự tình tĩnh hay động, đều có một người quan sát chứng kiến sự tình. Ego được hiểu là người quan sát sự tình đó.

2.4. Cấu trúc tham tố - bình diện nghĩa biểu hiện của câu

Nghĩa biểu hiện được coi là phần quan trọng nhất trong ngữ nghĩa của câu [5, tr.272]. Đây là nghĩa được biểu đạt bằng khung vị từ với động từ (vị từ) trung tâm và các tham tố của nó [2, tr.44].

Cấu trúc tham tố của động từ gồm các vai nghĩa bắt buộc, gọi là các diễn tố, và các vai nghĩa không bắt buộc, gọi là các chu tố [1, tr.113-114]. Ví dụ: động từ *cho* có ba diễn tố là người cho (tác thể), người nhận (tiếp thể/lợi thể) và vật đem cho (đối thể). Nếu thiếu đi một trong các diễn tố này, không có sự tình “cho”. Ngay cả khi không được hiển ngôn trong câu, các diễn tố này vẫn luôn có mặt. Sự tình “cho” có thể diễn ra ở một địa điểm hoặc thời điểm nào đó. Các vai nghĩa này là các chu tố của sự tình, chúng không nhất thiết phải có mặt để sự tình “cho” có thể thực hiện.

Cấu trúc tham tố có sự gắn bó chặt chẽ với quá trình toả tia và chuyển khung của từ. Khi một yếu tố trong cấu trúc tham tố thay đổi, đặc biệt là các diễn tố, từ hữu quan chuyển đi từ khung nguồn sang khung đích. Cái kịch cảnh điển dạng do động từ làm trung tâm biểu đạt do vậy cũng thay đổi. Dựa vào các tham tố được bảo lưu hoặc thay đổi, chúng ta có thể xem xét sự đồ chiếu cấu trúc nghĩa biểu hiện của từ từ khung nguồn sang khung đích. Đây là cách tiếp cận chưa được quan tâm nhiều trong phân tích mối quan hệ giữa phạm trù không gian và phạm trù thời gian trong ngôn ngữ tự nhiên.

Để phân tích sự tri nhận và biểu đạt không gian, thời gian với trường hợp từ *qua*, chúng tôi lấy ngữ liệu từ trang <https://s.ngonngu.net/corpus/>. Mẫu được chọn từ 1.000 ngữ liệu đầu tiên hiển thị trên trang ở chế độ “Cũ nhất trước” (các ngữ liệu có thời gian tạo lập từ năm 2000 trở lại đây) để có tính ổn định và có thể kiểm chứng; với hai chế độ còn lại (“Ngẫu nhiên” và “Mới nhất”), ngữ liệu có sự biến thiên. Trong bài báo, dấu ngoặc kép được sử dụng khi trình bày đối tượng phân tích.

3. Qua ở khung không gian

3.1. Đặc điểm ngữ nghĩa, ngữ pháp của qua

Ở khung không gian, *qua* có thể biểu đạt sự chuyển động của thực thể từ bên này sang bên kia một không gian, ví dụ: *qua đường*, *qua sông*, hoặc thực thể di chuyển đến một địa điểm nào đó trong không gian, ví dụ: *qua nhà hàng xóm* [8, tr.1355]. Với nghĩa này, *qua* là động từ biểu đạt nội dung sự tình. Cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu, tiểu cú có *qua* biểu đạt nội dung sự tình gồm hai diễn tố, với các trường hợp như sau:

Hành thể - đích	(1a) <i>Hôm chúng tôi đến, cụ Nhỏ qua nhà hàng xóm, mình chị Xìn ở nhà.</i>
	(1b) <i>Sau đó, năm 1974, Hoàng thân Sihanouk Vương quốc Campuchia trên đường công tác ghé qua Quảng Bình cũng nằm trên chiếc giường đặc biệt này.</i>
Hành thể - lối đi	(2) <i>Trước khi có cầu treo Chôm Lôm, các em học sinh phải qua sông trên chiếc đò ngang.</i>
Động thể - lối đi	(3) <i>Hàng ngày có rất nhiều tàu thuyền qua kênh đào Panama.</i>

Trong các ví dụ trên, các diễn tố lần lượt là: (1a) hành thể “cụ Nhỏ” - đích “nhà hàng xóm”, (1b) hành thể “Hoàng thân Sihanouk” - đích “Quảng Bình”, (2) “các em học sinh” - lối đi “sông”, (3) động thể “rất nhiều tàu thuyền” - lối đi “kênh đào Panama”. Riêng với (1a) và (1b), mặc dù cùng có vai đích trong cấu trúc nghĩa biểu hiện nhưng giữa chúng vẫn có sự khác biệt: vai đích ở (1b) là một điểm trên lối đi trong khi vai đích ở (1a) thì không.

Qua cũng có thể mất đi nét nghĩa chuyển động, ngữ pháp hoá thành giới từ đánh dấu đích. Với trường hợp này, *qua* làm bổ ngữ cho động từ chỉ hành động, quá trình di chuyển đứng trước nó và chỉ xuất hiện trong hai cấu trúc nghĩa biểu hiện là hành thể - lối đi và động thể - lối đi. Ví dụ:

(4a) Hai phụ nữ bước qua hiện trường một vụ oanh kích của Israel ở ngôi làng Ghaziyeh, phía nam Libăng.

(4b) Đoàn tàu tiếp tục chạy và vượt qua cả bãi đỗ ở Stanley, Ohio.

Ở (4a), hai phụ nữ biểu đạt hành thể, hiện trường một vụ oanh kích của Israel ở ngôi làng Ghaziyeh, phía nam Libăng biểu đạt lối đi. Ở (4b), “đoàn tàu” giữ vai động thể, “bãi đỗ ở Stanley, Ohio” là vai lối đi. Như vậy, khi *qua* là giới từ, không có vai đích trong cấu trúc nghĩa biểu hiện như khi *qua* là động từ.

Như vậy, ở (1), danh ngữ đi sau *qua* biểu thị đích. Với ví dụ (2) - (4), danh ngữ đi sau *qua* biểu thị lối đi.

3.2. Quy chiếu và phối cảnh không gian với “qua”

a. Quy chiếu không gian với “qua”

Ở khung không gian, từ *qua* trong tiếng Việt không tham gia quy chiếu. *Qua* chỉ biểu đạt chuyển động của thực thể như ở ví dụ (1), (2), (3) hoặc trở thành yếu tố hư hoá đánh dấu vai lối đi như ở ví dụ (4).

b. Phối cảnh không gian với “qua”

Ở khung không gian, ý niệm QUA gắn với các kịch cảnh chuyển động sau:

- Phối cảnh 1: Chủ thể vận động từ địa điểm/không gian nguồn đến địa điểm/không gian đích, như ở ví dụ (1). Yếu tố được đưa ra cận cảnh là không gian đích. Có thể biểu diễn phối cảnh không gian của ví dụ (1) như ở hình 1a.

- Phối cảnh 2: Chủ thể chuyển động từ biên bên này sang biên bên kia của một không gian, không gian có độ rộng không vượt quá tầm nhìn của người quan sát và có ranh giới biên theo chiều rộng được xác định rõ ràng, như trong cách nói *qua sông*, *qua đường* hay ở ví dụ (2). Minh hoạ cho phối cảnh này được thể hiện ở hình 1b.

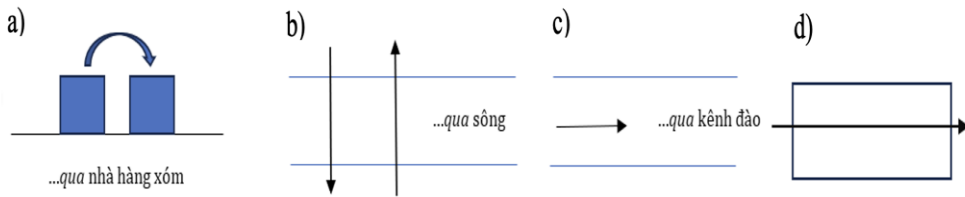
- Phối cảnh 3: Chủ thể chuyển động dọc theo một lối đi, như ở ví dụ (3), (4). Yếu tố ranh giới biên của không gian không được chú ý như ở phối cảnh 2. Người quan sát chỉ tri nhận không gian là lối đi trên đó chủ thể chuyển động. Hình 1c biểu diễn cho phối cảnh này.

- Phối cảnh 4: Thực thể chuyển động vượt qua một thực thể khác, chỉ một trong hai chuyển động hoặc cả hai cùng chuyển động; nếu cả hai cùng chuyển động, chúng có thể chuyển động cùng chiều hoặc ngược chiều. Ở phối cảnh này, các thực thể được hình dung là những điểm trên lối đi. Lối đi có thể được hiểu hàm ẩn. Yếu tố được đưa ra cận cảnh là hai thực thể. Ví dụ:

(5a) (...) Puyol đã rất nhanh, từ phía sau chạy vượt qua Pepe rồi bay người đánh đầu ở cự ly gần, tung lưới thủ môn Casillas.

(5b) Trên đường ra phi trường, Bill và tôi đi ngang qua một căn nhà gạch đỏ gần đại học, đang treo bảng bán.

Ở (5a), “Puyol” di chuyển, “Pepe” có thể di chuyển hoặc không. Nếu “Pepe” di chuyển, kịch cảnh sẽ là hai thực thể cùng chuyển động. “Pepe” có thể chuyển động cùng chiều hoặc ngược chiều với “Puyol”. Ở ví dụ này, lối đi được hiểu hàm ẩn. Ở (5b), “Bill và tôi” chuyển động còn thực thể “căn nhà gạch đỏ” đứng yên, lối đi được hiểu ngôn bằng *trên đường ra phi trường*. Trong kịch cảnh được phân ánh, “Pepe” và “căn nhà gạch đỏ” là một bộ phận của lối đi; chúng là tiêu điểm mà người nói muốn đề cập, do vậy được đưa ra cận cảnh. Phối cảnh ở (5) được minh hoạ trong Hình 1d dưới đây.



Hình 1. Phối cảnh chuyển động với ý niệm QUA⁵

Như vậy, có các phối cảnh khác nhau đi với ý niệm QUA trong tiếng Việt. Dù ở phối cảnh nào thì kịch cảnh với ý niệm QUA cũng là thực thể chuyển động trên mặt phẳng ngang trong không gian. Chính vì thế, ngay cả khi lối đi có độ cao trong không gian (như núi, đồi trong *băng qua ngọn đồi trước mặt, các vận động viên sẽ vượt qua núi*) thì ý niệm vận động trên mặt phẳng ngang vẫn là yếu tố nổi trội trong tri nhận kịch cảnh. Các hình trên cũng đồng thời cho thấy rằng thuộc tính quy định tư cách diễn mẫu của QUA ở phạm trù không gian trong tiếng Việt là chuyển động dọc theo lối đi trên mặt phẳng ngang. Những phân tích về cấu trúc nghĩa biểu hiện và phối cảnh chuyển động của *qua* ở mục này cho phép đi đến nhận định rằng ngữ nghĩa của từ *qua* ở khung không gian trong thực tế dụng ngôn được người Việt nhận thức phức tạp và chi tiết hơn nhiều so với định nghĩa trong từ điển.

4. Qua ở khung thời gian

4.1. Đặc điểm ngữ nghĩa, ngữ pháp của “qua”

Khi chuyển sang khung thời gian, *qua* biểu thị ý nghĩa thời gian đã thuộc về quá khứ, ví dụ: *tuần qua, hôm qua*, hoặc biểu thị một thời khoảng ở tương lai gần, ví dụ: *qua năm mới, qua tuần* [8, tr.1355].

Thực tế hành chức của *qua* ở khung thời gian cho phép đi đến những mô tả kỹ lưỡng hơn về ngữ nghĩa và kết hợp của yếu tố này trong hệ thống tiếng Việt. Theo đó, *qua* có thể biểu đạt sự vận động của thời gian hoặc chủ thể phi thời gian. Khi đó *qua* là động từ chuyển tải nội dung sự tình, xoay quanh nó là các danh ngữ biểu thị các vai nghĩa khác nhau. Có hai trường hợp:

- Nếu chủ thể vận động là thời gian, cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu/tiểu cú chỉ đòi hỏi diễn tố động thể. Ví dụ:

(6) *Mùa hè qua, mùa thu qua, mùa đông năm nay đến sớm, cây cỏ chết khô, rau trong vườn các nhà cũng không còn xanh được nữa.*

Trong ví dụ trên, “mùa hè” và “mùa thu” giữ vai động thể trong cấu trúc tham tố của *qua*.

- Nếu chủ thể vận động không phải là thời gian, cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu/tiểu cú chỉ đòi hỏi hai diễn tố: hành thể/động thể và lối đi. Ví dụ:

(7a) *Chiến tranh đã qua hơn 1/4 thế kỉ, nước Mỹ đang cố gắng chữa lành vết thương.*

(7b) *Đã qua 3 ngày thăm vấn, hầu hết các bị cáo đều phản cung, có bị cáo phản cung dữ dội.*

⁵ Tác giả bài viết xin cảm ơn người phản biện đã góp ý và chỉ dẫn lược đồ minh họa cho phối cảnh chuyển động của ý niệm QUA trong bài báo.

Ở ví dụ (7a), “chiến tranh” là động thể. Ở (7b), vai hành thể là “các bị cáo”. Các danh ngữ *1/4 thế kỷ*, *3 ngày thăm vấn* chỉ các thời khoảng mà chủ thể đi qua, tương tự như vai lối đi trong không gian; trong đó *1/4 thế kỷ* biểu đạt trọn vẹn lộ trình còn *3 ngày thăm vấn* chỉ cho thấy một phần của lối đi vì sự tình chưa kết thúc. Đây là điểm cho thấy sự tương đồng giữa tri nhận không gian và tri nhận thời gian trong tư duy người Việt.

Như vậy, khi là động từ biểu đạt nội dung sự tình ở khung thời gian, cấu trúc tham tổ của *qua* có sự phân hoá thành hai trường hợp: 1. cấu trúc tham tổ chỉ đòi hỏi diễn tố động thể, diễn tố đó là thời gian; đây là cấu trúc không có với *qua* biểu đạt sự chuyển động trong không gian; 2. cấu trúc tham tổ đòi hỏi hai diễn tố: hành thể/động thể và lối đi; đây là cấu trúc được chuyển đi từ phạm trù không gian. Sự chuyển khung sang thời gian của *qua* đã triệt tiêu cấu trúc hành thể - đích. Như vậy vừa có sự biến đổi vừa có sự bảo lưu cấu trúc tham tổ của *qua* ở khung thời gian so với khung không gian. Sự chuyển khung diễn ra là do: 1. sự thay đổi ở vai động thể: vai động thể không biểu đạt thực thể không gian mà biểu đạt thực thể thời gian (như ở ví dụ 6); 2. sự thay đổi ở vai lối đi: lối đi không còn là thực thể không gian mà là một thời khoảng trong thời gian (như ở ví dụ 7).

Ngoài khả năng làm trung tâm vị ngữ biểu đạt nội dung sự tình, động từ *qua* còn làm định ngữ trong danh ngữ chỉ thời gian. Với trường hợp này, *qua* đứng sau các danh từ/danh ngữ chỉ đơn vị thời gian, ví dụ: *hôm qua*, *tuần qua*, *tháng qua*, *năm qua*, v.v.; hoặc đứng sau các danh từ/danh ngữ biểu đạt thời khoảng, các danh ngữ có thể bao gộp trong cấu trúc ngữ giới từ hoặc không, ví dụ: *mấy tháng qua*, *cuối năm 2020 vừa qua*, *trong suốt tám năm qua*, v.v.. Các danh ngữ có *qua* làm định ngữ đều biểu đạt các thời điểm, thời khoảng đã thuộc về quá khứ.

Động từ *qua* còn xuất hiện trong quán ngữ *vừa qua* làm trạng ngữ trong câu, tương tự các danh ngữ, giới ngữ chỉ thời gian và cũng quy chiếu về quá khứ. Ví dụ:

(8) *Vừa qua, hơn 40% sinh viên tốt nghiệp khoá 1 và 2 của chương trình bán du học đã ở lại tiếp tục học sau đại học tại các trường của Australia.*

Ngoài tư cách động từ, từ *qua* biểu đạt thời gian trong tiếng Việt còn có thể đứng sau động từ khác, hư hoá thành giới từ. Mặc dù không quy định cấu trúc nghĩa biểu hiện song ở tư cách ngữ pháp này, *qua* cũng có khả năng đi vào các cấu trúc tham tổ như khi nó là động từ. Xét ví dụ:

(9a) *Để thời gian trôi qua ý nghĩa, tôi đọc sách, báo, xem tin tức, xem phim, nói chuyện với mẹ và chị...*

(9b) *Kufour chỉ nói: “Chúng ta đã trải qua những thời kỳ hỗn loạn...”.*

(9c) *Thị trường chứng khoán Indonesia trải qua một tuần bất ổn do những mối lo ngại về bạo lực.*

Ở (9a), cấu trúc tham tổ chỉ gồm vai động thể do danh ngữ *thời gian* biểu đạt. Ở (9b, c), cấu trúc tham tổ có hai diễn tố, trong đó (9b) gồm hành thể - “chúng ta” và lối đi - “những thời kỳ hỗn loạn”, (9b) gồm động thể - “thị trường chứng khoán Indonesia” và lối đi - “một tuần bất ổn”; hành thể, động thể ở các ví dụ này đều là các chủ thể phi thời gian, còn lối đi do các danh ngữ chỉ thời khoảng biểu đạt.

Như vậy, ở khung thời gian, khi *qua* là giới từ, cấu trúc tham tổ của câu/tiểu cú giống với khi *qua* là động từ. *Qua* là giới từ thời gian bảo lưu cấu trúc tham tổ hành thể/động thể - lối đi của *qua* là giới

từ không gian trong đó vai lối đi do danh ngữ biểu đạt thời khoảng đảm nhiệm. Nhưng sự phát triển nghĩa của *qua* giới từ thời gian kéo theo sự thay đổi cấu trúc tham tố so với *qua* giới từ không gian, đó là câu/tiểu cú có nó có thêm cấu trúc tham tố với một diễn tố duy nhất là động thể, động thể này do danh ngữ thời gian đảm nhiệm. Khi *qua* là giới từ, với câu có tình thái thực hữu, các sự tình biểu đạt bằng động từ + *qua* đã thuộc về quá khứ.

4.2. Quy chiếu và phối cảnh thời gian với “qua”

a. Quy chiếu thời gian với “qua”

Trong các vai trò ngữ pháp của *qua* ở khung thời gian, chỉ khi làm định ngữ trong danh ngữ chỉ thời điểm, thời khoảng, hoặc trong quán ngữ *vừa qua*, *qua* mới tham gia vào quy chiếu. Khi đó các sự tình nằm trong tầm tác động của danh ngữ và quán ngữ thời gian có chứa *qua* đã thuộc về quá khứ và được phản ánh trong quy chiếu với điểm nhìn hiện tại chủ quan của người quan sát, như ở ví dụ (8) hoặc trong các ví dụ sau:

(10a) *Hôm qua, chính phủ Anh công bố thiết lập mối quan hệ chính thức lần đầu tiên với CHDCND Triều Tiên tại Anh.*

(10b) *Đêm thứ sáu vừa qua, những con cá voi mắc cạn cuối cùng đã ra được đến ngoài khơi.*

Ở (10a), sự tình “chính phủ Anh công bố thiết lập mối quan hệ chính thức lần đầu tiên với CHDCND Triều Tiên” đóng vai trò là Hình. Sự tình này nằm trong tầm tác động của *hôm qua* nên thuộc về quá khứ. Ý nghĩa quá khứ của *hôm qua* được xác định trong quy chiếu với Nền hiện tại “hôm nay”. Tương tự, ở (10b), “những con cá voi mắc cạn đã ra được đến ngoài khơi” là Hình. Hình được định vị thuộc về quá khứ (biểu đạt bởi *đêm thứ sáu vừa qua*) là trong quy chiếu với Nền hiện tại.

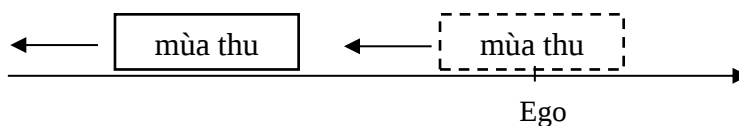
Khi không xuất hiện với các vai trò ngữ pháp trên, *qua* chỉ biểu đạt sự chuyển động của chủ thể trên dòng thời gian mà không quy chiếu thời điểm, thời khoảng. Ở các ví dụ (6), (7), (9), *qua* đều không quy chiếu thời gian.

b. Phối cảnh thời gian với “qua”

Khác với khung không gian, ở khung thời gian, chỉ có hai phối cảnh chuyển động do *qua* biểu đạt. Một là Thời gian chuyển động với hướng vận động về phía quá khứ và hai là Ego hoặc một thực thể nào đó chuyển động trong dòng thời gian⁶ với hướng vận động về phía tương lai.

- Phối cảnh Thời gian chuyển động: Xét lại các ví dụ ở (6), (9a). Trong các ví dụ này, “mùa hè”, “mùa thu”, “thời gian” là các chủ thể thời gian vận động ngược chiều với dòng thời gian đi qua Ego vào quá khứ. Có thể lấy trường hợp “mùa thu” để minh họa cho phối cảnh chuyển động này như sau:

⁶ Dòng thời gian hay dòng thời gian tinh thần (the mental timeline) là thuật ngữ được dùng để chỉ nhận thức mang tính không gian hoá của con người về thực thể thời gian với tư cách là một phạm trù trừu tượng. Dòng thời gian trải dài trên một trục không gian, chỉ có một hướng và kéo dài đến vô tận [11]. Nó tồn tại như một trường tổng thể độc lập với vai trò của người quan sát. Dòng thời gian có thể được tri nhận là động hoặc tĩnh, trên đó người bản ngữ xác định thời điểm, thời đoạn, phối cảnh thời gian, xác lập quan hệ thời gian giữa các sự tình. Ở một bài báo khác, chúng tôi đã chứng minh rằng dòng thời gian tinh thần theo trục ngang trong tiếng Việt phân bố trên trục trước - sau, có hướng từ sau ra trước, với sau chỉ quá khứ, trước chỉ tương lai [4].



Hình 2. Phối cảnh “mùa thu qua”

Trước khi trở thành thời gian quá khứ, “mùa thu” ở hiện tại chủ quan của Ego, sau đó nó vận động xa dần Ego về phía quá khứ. Như vậy, với phối cảnh đang xét, thời gian vận động qua Ego vào quá khứ còn Ego đứng yên. Sự vận động này của thời gian là sự vận động của các sự tình thời gian cụ thể, phân biệt với sự vận động của trường thời gian tổng thể.

Với các danh ngữ như *hôm qua*, *tuần qua*, *tháng qua*, *năm qua*, ý nghĩa chuyển động của *qua* mờ nhạt hơn, thay vào đó, nét nghĩa trực chỉ trở nên nổi trội. Tuy nhiên, ở các danh ngữ, giới ngữ có cấu trúc mở rộng như *trong thời gian qua*, *cuối năm 2020 vừa qua*, *sau đợt mưa bão dồn dập vừa qua*, v.v., nét nghĩa chuyển động của *qua* hiện lên rõ nét hơn, nhất là khi có sự hiện diện của phó từ *vừa*. Điều này có nghĩa là với các trường hợp *qua* biểu đạt thời gian trực chỉ, phối cảnh thời gian chuyển động vẫn hiện diện, dù có mờ nhạt hơn, do kịch cảnh chuyển động đã được đẩy vào hậu cảnh, một kết cấu vị ngữ được mã hoá thành một kết cấu danh ngữ, nhưng không vì thế mà nó bị triệt tiêu.

Phối cảnh thời gian chuyển động như vậy là sự đồ chiếu kịch cảnh không gian một người hoặc một vật vận động ngược chiều đi qua người quan sát, người quan sát đứng yên.

- Phối cảnh Ego hoặc một thực thể không phải Ego chuyển động về phía tương lai.

+ Ego chuyển động trên dòng thời gian về phía tương lai, thời gian tĩnh tại. Ví dụ:

(11a) *Năm 1999, Ellen lãnh giải Người chơi môn du thuyền của năm. Qua năm sau, với chiếc Kingfisher, cô cười sóng đến châu Âu, và nhanh chóng trở thành người đầu tiên hoàn tất vòng vượt Đại Tây Dương chỉ có một mình, đánh bại nhiều đối thủ khác trong cuộc thi Vendee Globe.*

(11b) *Qua năm 2009, ba mẹ tôi sẽ làm thủ tục cho tôi một căn nhà.*

Ở các ví dụ trên, chủ thể vận động đều là con người. Với (11a), chủ thể là “Ellen”, Ellen vận động từ thời khoảng quá khứ năm 1999 sang thời khoảng muộn hơn - “năm sau”, tức năm 2000. Như vậy hướng chuyển động là đi từ quá khứ đến tương lai. Ở ví dụ này, *qua* chỉ phản ánh sự chuyển động của chủ thể mà không quy chiếu thời gian. Các danh ngữ *năm 1999*, *năm sau* mới đảm nhiệm chức năng quy chiếu. Với ví dụ (11b), chủ thể là “ba mẹ tôi” và “tôi”. Với sự hiện diện của phó từ *sẽ*, chúng ta biết được rằng hiện tại đang là năm 2008. Như vậy chủ thể sẽ vận động từ hiện tại sang tương lai, sự tình “ba mẹ tôi làm thủ tục cho tôi một căn nhà” thuộc về tương lai, sau thời điểm nói. *Qua* trong trường hợp này cũng chỉ biểu đạt sự vận động của chủ thể mà không tham gia quy chiếu.

+ Thực thể không phải Ego vận động trong dòng thời gian về phía tương lai, thời gian tĩnh tại. Ví dụ:

(12a) *Theo kết quả kiểm tra, đến 4/2002, chỉ sau 5 tháng đưa vào sử dụng, một số đoạn đường của công trình đã có hiện tượng sụt lún. Qua năm 2003, tình trạng càng trở nên trầm trọng, nơi lún ít nhất vài cm và nơi nhiều nhất lên đến hơn 1 m.*

(12b) *Trải qua năm tháng, chùa Một Cột đã được trùng tu sửa chữa nhiều lần.*

Ở các ví dụ trên, “hiện tượng sụt lún” và “chùa Một Cột” là các thực thể vận động trong dòng thời gian. Chúng đều không phải là Ego nhưng được tri nhận vận động tương tự Ego. Ở (12a), chủ thể vận động từ một thời điểm quá khứ sang một thời khoảng muộn hơn có ranh giới là thời điểm nói. Ở (12b), chủ thể vận động trong dòng thời gian từ quá khứ đến hiện tại chủ quan của người quan sát. Trong cả hai trường hợp, hướng vận động đều là hướng tương lai.

Phối cảnh Ego hoặc một thực thể nào đó chuyển động về phía tương lai như vậy là sự đồ chiếu kịch cảnh không gian Ego vận động dọc theo một lối đi. Trong quá trình đó, chủ thể có thể đi từ mốc thời gian này đến mốc thời gian khác, tương tự như thực thể chuyển động từ địa điểm này đến địa điểm khác trong không gian.

Như vậy với cả hai phối cảnh chuyển động trong thời gian vừa phân tích, không có sự đồ chiếu kịch cảnh thực thể chuyển động từ biên bên này sang biên bên kia của một không gian. Những phân tích về *qua* ở khung không gian và khung thời gian cũng cho thấy, người Việt tri nhận không gian như một phòng nền tĩnh tại trong khi thời điểm, thời khoảng được tri nhận là có thể vận động hoặc đứng yên. Những khác biệt về cấu trúc nghĩa biểu hiện và phối cảnh chuyển động của *qua* ở hai khung cho thấy, mặc dù được tri nhận thông qua kinh nghiệm từ miền không gian, phạm trù thời gian vẫn có tính độc lập nhất định.

5. Kết luận

Những phân tích về *qua* ở khung không gian và khung thời gian cho phép đi đến nhận định là:

a. Ở khung không gian, động từ *qua* có thể đi vào cấu trúc nghĩa biểu hiện gồm vai hành thể và đích hoặc vai hành thể/động thể và lối đi. Khi chuyển từ loại thành giới từ, *qua* không còn tham gia vào cấu trúc gồm vai hành thể và đích.

b. *Qua* không tham gia quy chiếu địa điểm trong không gian. Nó chỉ biểu đạt sự chuyển động của thực thể đến một đích hoặc đánh dấu vai lối đi.

c. Phối cảnh không gian do *qua* biểu đạt là thực thể chuyển động trên mặt phẳng ngang. Thực thể có thể chuyển động từ biên bên này sang biên bên kia của lối đi, chuyển động dọc theo lối đi hoặc chuyển động từ một địa điểm này (nguồn) đến một địa điểm khác (đích). *Qua* cũng biểu đạt phối cảnh một thực thể chuyển động vượt qua một thực thể khác; nếu cả hai cùng chuyển động, chúng có thể chuyển động cùng chiều hoặc ngược chiều.

d. Có sự chuyển khung từ không gian sang thời gian ở từ *qua* trong tiếng Việt, với cả tư cách động từ lẫn giới từ. Trong quá trình toả tia ngữ nghĩa, từ *qua* phản ánh sự đồ chiếu các kịch cảnh không gian sang các kịch cảnh thời gian, tuy nhiên không phải mọi kịch cảnh không gian đều được đồ chiếu sang thời gian. Kịch cảnh chuyển động ở thời gian hạn chế hơn so với không gian.

e. Không phải mọi trường hợp *qua* đều tham gia quy chiếu thời gian. Chỉ khi làm định ngữ trong danh ngữ hoặc giới ngữ biểu đạt thời gian và trong quán ngữ *vừa qua*, *qua* mới có chức năng quy chiếu.

f. Phối cảnh chuyển động do *qua* biểu thị có thể hướng quá khứ hoặc hướng tương lai. Ở hướng quá khứ, thời gian là chủ thể vận động. Ở hướng tương lai, Ego hoặc một thực thể phi thời gian nào đó là chủ thể vận động.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Cao Xuân Hạo (chủ biên). *Ngữ pháp chức năng tiếng Việt, quyển 1, Câu trong tiếng Việt*. NXB Giáo dục, 2001.
2. Dik, S. C.. *Ngữ pháp chức năng* (Nguyễn Văn Phở, Trần Thuý Vinh, Nguyễn Hoàng Trung, Đào Mục Đích, Nguyễn Thanh Phong dịch, 2005). NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 1981.
3. Lee, D.. *Dẫn luận Ngôn ngữ học tri nhận* (Nguyễn Văn Hiệp, Nguyễn Hoàng An dịch). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016. (Bản gốc xuất bản năm 2001)
4. Lê Thị Cẩm Vân. *Dòng thời gian tinh thần trong tiếng Việt*. Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, Số 6 (341), tr.44 - 50, 2023.
5. Lý Toàn Thắng. *Ngôn ngữ học tri nhận Từ lí thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt*. NXB Khoa học Xã hội, 2005.
6. Nguyễn Đức Dân. *Tri nhận thời gian trong tiếng Việt*. Tạp chí Ngôn ngữ, Số 12, tr. 1 - 15, 2009.
7. Nguyễn Hoà. *Sự tri nhận và biểu đạt thời gian trong tiếng Việt qua các ẩn dụ không gian*. Tạp chí Ngôn ngữ Số 7, tr.1-8, 2007.
8. Nguyễn Như Ý (chủ biên). *Đại từ điển tiếng Việt*. NXB Văn hoá thông tin, 1999.
9. Nguyễn Văn Hán. *Định vị thời gian trong tiếng Việt dưới góc nhìn ngôn ngữ học tri nhận (so sánh với tiếng Anh)*. Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2011.

Tiếng Anh

10. Bender, A., Beller, S., & Bennardo, G. *Temporal frames of reference: Conceptual analysis and empirical evidence from German, English, Mandarin Chinese and Tongan*. Journal of Cognition and Culture, 10 (3-4), 283 - 307, 2010. <https://doi.org/10.1163/156853710X531195>
11. Bender, A., & Beller, S. *Mapping spatial frames of reference onto time: a review of theoretical accounts and empirical findings*. Cognition, 132: 342 - 382, 2014. DOI: 10.1016/j.cognition.2014.03.016
12. Clark, H. H. *Space, time, semantics, and the child*. In T. E. Moore (Ed.), "Cognitive development and the acquisition of language", pp. 27 - 63, Academic Press, New York, 1973.
13. Evans, V. *Cognitive linguistics: a complete guide*. Edinburgh University Press, 2019.
14. Fillmore, C. *Lectures on deixis*. Stanford, CA: CSLI Publications, 1971.
15. Haspelmath, M. *From space to time: temporal adverbials in the world's languages*. Lincom Europa, 1997.
16. Lakoff, G., & Johnson, M.. *Metaphors we live by*. University of Chicago Press, Chicago, 1980.
17. Núñez, R. E., Motz, B. A., & Teuscher, U. *Time after time: The psychological reality of the Ego- and Time-Reference-Point distinction in metaphorical construals of time*. Metaphor and Symbol, 21, 133-146, 2006.
18. Talmy, L. *Toward a cognitive semantics* (Vol. 1): *Conceptual structuring systems*. MIT Press, Cambridge, 2000.
19. Tenbrink, T.. *Reference frames of space and time in language*. Journal of Pragmatics, 43(3): 704 - 722, 2011. DOI: 10.1016/j.pragma.2010.06.020
20. Zinken, J. *Temporal frames of reference*. In P. Chilton & V. Evans (Eds.), "Language, cognition, and space: advances in cognitive linguistics", pp. 479 - 498, Equinox Publishing Ltd, London, 2010.